

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên dự toán: Mua sắm vật tư hàng hóa năm 2025 kho K255
- Tên gói thầu: Gói thầu số 05: Mua nhiên liệu
- Nguồn vốn: NSQP năm 2025
- Chủ đầu tư: Kho K255/Cục Hậu cần-Kỹ thuật/Quân chủng PK-KQ.
- Địa điểm thực hiện: Phường Mạo Khê, Tỉnh Quảng Ninh
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi, trong nước, qua mạng.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn một túi hồ sơ.
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý IV/2025.
- Loại hợp đồng: Trọn gói.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

a) Yêu cầu chung

- Nhà thầu phải chào đúng và đủ chủng loại, ký mã hiệu, khối lượng hàng hóa theo yêu cầu của E-HSMT.

- Hàng hóa nguyên đai, nguyên kiện, sản xuất mới nhất với đầy đủ thông số kỹ thuật, xuất xứ, thương hiệu, mã hiệu, nhãn mác, hãng sản xuất, thời gian bảo hành về chất lượng hàng hoá phù hợp với các yêu cầu kỹ thuật tại chương này.

- Thời gian bảo hành hàng hóa ≥ 12 tháng tính từ thời điểm hàng hóa được nghiệm thu đưa vào sử dụng.

- Nhà thầu phải cam kết bằng văn bản cung cấp các hồ sơ sau đây để phục vụ giám định chất lượng hàng hoá.

+ Chứng nhận xuất xứ (CO); chứng nhận chất lượng (CQ) hoặc chứng chỉ phù hợp (CC) đối với trường hợp hàng hoá nhập khẩu.

+ Chứng nhận chất lượng (CQ) đối với hàng hoá sản xuất trong nước.

+ Tiêu chuẩn sản phẩm, tài liệu kỹ thuật theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất và các tài liệu khác có liên quan.

- Nhà thầu phải cung cấp phiếu chất lượng sản phẩm do Phòng thí nghiệm có chứng chỉ VILAS xác nhận đối với hàng hóa chào thầu theo từng đợt giao hàng.

- Đảm bảo giao hàng 01 lần đủ số lượng trên từng khu vực.

b) Yêu cầu cụ thể:

Nhà thầu cam kết cung cấp các hàng hóa bảo đảm các chỉ tiêu kỹ thuật sau:

Bảng số 1. Chỉ tiêu chất lượng cơ bản của xăng RON 95-III
 (Theo quy định của QCVN 1:2022/BKHCN do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành theo Thông tư số 16/2022/TT-BKHCN ngày 15/12/2022)

TT	TÊN CHỈ TIÊU	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA	QUY CÁCH
1	Trị số octan theo phương pháp nghiên cứu	TCVN 2703 (ASTM D2699)	≥ 95
2	Hàm lượng chì, g/L	TCVN 7143 (ASTM D3237); TCVN 6704 (ASTM D5059)	$\leq 0,013$
3	Thành phần cất phân đoạn, °C: - Điểm sôi đầu, °C - 10% thể tích, °C - 50% thể tích, °C - 90% thể tích, °C - Điểm sôi cuối, °C - Cặn cuối, % thể tích	TCVN 2698 (ASTM D86)	Báo cáo ≤ 70 ≤ 120 ≤ 190 ≤ 215 $\leq 2,0$
4	Ăn mòn mảnh đồng ở 50°C/3h, max	TCVN 2694 (ASTM D130)	Loại 1
5	Hàm lượng nhựa thực tế (đã rửa dung môi), mg/100ml	TCVN 6593 (ASTM D381)	≤ 5
6	Độ ổn định oxy hóa, phút	TCVN 6778 (ASTM D525)	≥ 480
7	Hàm lượng lưu huỳnh, mg/kg	TCVN 7760 (ASTM D5453) TCVN 6701 (ASTM D2622) TCVN 3172 (ASTM D4294)	≤ 500
8	Áp suất hơi (Reid) ở 37.8°C, kPa	TCVN 7023 (ASTM D4953) (ASTM D5191)	43÷80

TT	TÊN CHỈ TIÊU	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA	QUY CÁCH
9	Hàm lượng benzen, % thể tích	TCVN 6703 (ASTM D3606) TCVN 3166 (ASTM D5580) (ASTM D6839)	≤ 2,5
10	Hàm lượng hydrocarbon thơm, % thể tích	TCVN 6703 (ASTM D3606) TCVN 3166 (ASTM D5580)	≤ 40
11	Hàm lượng olefin, % thể tích	TCVN 7330 (ASTM D1319) (ASTM D6296)	≤ 38
12	Hàm lượng oxy, % khối lượng	TCVN 7332 (ASTM D4815)	≤ 3,7
13	Hợp chất oxygenat, % thể tích - metanol - ethanol - iso-propyl ancol - iso-butyl ancol - tert-butyl ancol - ete (nguyên tử C≥5) - Riêng MTBE - Keton	TCVN 7332 (ASTM D4815)	KPH 4÷5 ≤ 10,0 ≤ 10,0 ≤ 7,0 ≤ 15,0 ≤ 10,0 KPH
14	Khối lượng riêng ở 15°C, kg/m ³	TCVN 6594 (ASTM D1298) TCVN 8314 (ASTM D4052)	Báo cáo
15	Tổng hàm lượng kim loại (Fe, Mn), mg/L	TCVN 7331 (ASTM D3831)	≤ 5
16	Ngoại quan	TCVN 7759 (ASTM D4176)	Trong suốt, không có nước tự do và tạp chất

Bảng số 2. Chỉ tiêu chất lượng cơ bản của dầu Diesel 0,05S
 (Theo quy định của QCVN 1:2022/BKHCN do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành theo Thông tư số 16/2022/TT-BKHCN ngày 15/12/2022)

TT	TÊN CHỈ TIÊU	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA	QUY CÁCH
1	Chỉ số cetan	TCVN 3180 (ASTM D4737)	≥ 46
2	Hàm lượng lưu huỳnh, mg/kg	TCVN 7760 (ASTM D5453); TCVN 6701 (ASTM D2622); TCVN 3172 (ASTM D4294);	≤ 500
3	Nhiệt độ chưng cất, °C, ở 90°C thể tích thu hồi	TCVN 2698 (ASTM D86)	≤ 360
4	Ăn mòn mảnh đồng ở 50°C/3h, max	TCVN 2694 (ASTM D130)	Loại 1
5	Điểm chớp cháy cốc kín, °C	TCVN 6608 (ASTM D3828); TCVN 2693 (ASTM D93);	≥ 55
6	Độ nhớt động học ở 40°C, mm ² /s	TCVN 3171 (ASTM D445)	2,0÷4,5
7	Cặn các bon của 10% cặn chưng cất, %KL	TCVN 6324 (ASTM D189) TCVN 7865 (ASTM D4530)	$\leq 0,3$
8	Điểm đông đặc, °C	TCVN 3753 (ASTM D97)	$\leq +6$
9	Hàm lượng tro, %KL	TCVN 2690 (ASTM D482)	$\leq 0,01$
10	Hàm lượng nước, mg/kg	TCVN 3182 (ASTM D6304)	≤ 200

TT	TÊN CHỈ TIÊU	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA	QUY CÁCH
11	Khối lượng riêng ở 15°C, kg/m ³	TCVN 6594 (ASTM D1298); TCVN 8314 (ASTM D4052)	820÷860
12	Tạp chất dạng hạt, mg/L	TCVN 2706 (ASTM D6217)	≤ 10
13	Độ bôi trơn, μm	TCVN 7758 (ASTM D6079); ASTM D7688	≤ 460
14	Ngoại quan	TCVN 7759 (ASTM D4176)	Sạch trong

- Do thời gian cung cấp là 90 ngày, giá xăng dầu liên tục biến động. Sau khi triển khai hợp đồng, đơn giá xăng dầu thay đổi theo thời gian đấu thầu, do đó bên mời thầu sẽ yêu cầu phải điều chỉnh khối lượng, thay đổi theo đơn giá xăng dầu thị trường cho phù hợp với nhu cầu khối lượng trong gói thầu. Nhà thầu phải cam kết điều chỉnh khối lượng hàng hóa để phù hợp với khối lượng trong gói thầu. Không có cam kết, hồ sơ dự thầu sẽ không đạt.

- Theo quy định, Bên mời thầu phải cung cấp các thông tin để nhà thầu lên phương án thực hiện gói thầu và tính toán các chi phí hợp lý (như địa điểm, cung đường, phương tiện vận chuyển, thực trạng kho bãi, con người và các thiết bị hỗ trợ việc nâng hạ hàng...). Do đặc thù Bên mời thầu là đơn vị quân đội, có những quy định nghiêm ngặt về vấn đề an toàn và bảo mật nên Bên mời thầu không thể công khai toàn bộ thông tin trong E-HSMT. Trước thời điểm đóng thầu, các nhà thầu phải liên hệ, cử đại diện đến các kho của Bên mời thầu làm việc để nhận thông tin và tiến hành lập biên bản có xác nhận của hai bên.